



ĐỀ THI GIỮA KÌ I - TOÁN 5

Đề số 4

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Mỗi ý đúng ghi nhận 0,5 điểm.

Câu 1. Chữ số 6 trong số 7,8964 thuộc hàng nào?

A. Phần mười

B. Phần trăm

C. Đơn vị

D. Phần nghìn

Câu 2. Làm tròn số 78,5486 được số 78,55. Số này được làm tròn đến hàng nào?

A. Hàng phần mười

B. Hàng phần trăm

C. Hàng phần nghìn

D. Hàng đơn vị

Câu 3. Hỗn số “năm và bảy phần mười chín” là:

A. $5\frac{7}{9}$

B. $5\frac{5}{19}$

C. $5\frac{7}{19}$

D. $5\frac{9}{10}$

Câu 4. Giá trị của biểu thức $3475 - 18 \mid 5 + 3$ là:

A. 3348

B. 3398

C. 3388

D. 3378

Câu 5. Cho các phân số $\frac{17}{13}$; $\frac{9}{8}$; $\frac{65}{40}$; $\frac{25}{4}$. Có bao nhiêu phân số lớn hơn phân số $\frac{8}{5}$?

KIOMATH





A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6. Số?

3 giờ 18 phút = giờ.

A. 3,18

B. 3,5

C. 198

D. 3,3

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

Dạng hỗn số	Dạng phân số thập phân	Dạng số thập phân
$3\frac{5}{100}$		
	$\frac{143}{10}$	
		11,111

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện

a) $\frac{7}{6} + \frac{5}{12} + \frac{7}{9} - \frac{7}{6} - \frac{7}{36} + \frac{13}{36}$

b) $346 + (98 - 34) + 64 + 654 - 2 + 32 + 900$

Bài 3. >, < và =?

a) 3 tấn 23 yến 3230 kg

b) 2340 m^2 0,234 ha

b) $0,03 \text{ km}^2$ 5 ha 35 ha

d) 1 lít 45 ml 1,45 lít

Bài 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài là 360m, chiều rộng bằng $\frac{1}{6}$ chiều dài.

a) Diện tích của thửa ruộng đó là bao nhiêu héc-ta?



b) Cứ mỗi 1 ha thì thu hoạch được 50 tạ thóc. Hỏi người ta thu được bao nhiêu tấn thóc trên thửa ruộng đó?

Bài 5. Tìm số thập phân thoả mãn nếu dịch dấu phẩy của nó sang phải một hàng thì được số thập phân mới là 354,7?



KIOMATH

